

**PHỤ LỤC SỐ 2**  
**THIỆT HẠI DO ĐỢT LŨ TỪ NGÀY 10 ĐẾN 12 THÁNG 11/2007 TẠI CÁC TỈNH MIỀN TRUNG**  
**CẬP NHẬT ĐẾN NGÀY 15/11/2007**

LOẠI THIẾT HẠI	HẠNG MỤC	ĐƠN VỊ	Quảng Trị	Thừa Thiên	Quảng Nam	Đà Nẵng	Quảng Ngãi	Bình Định	Phú Yên	Khánh Hoà		TỔNG SỐ
	Số văn bản B/C của tỉnh		06/CLB	152/CLB	78/CLB	77/UB	84/CLB	170/PCLB				
	Ngày báo cáo		15/11/2007	15/11/2007	15/11/2007	15/11/2007	14/11/2007	15/11/2007				
<b>NGƯỜI</b>	Số người chết	Người		4	19	3	10	7		2		45
	+ Trong đó trẻ em	Người										0
	Số người bị thương	Người		4	55	3	9					71
	Số người mất tích	Người		1	3	1	1			1		7
	Số hộ bị ảnh hưởng	Hộ		83,378								83,378
	+ Số hộ phải di dời	Hộ	2,000	8,906	17,721	8,348						36,975
	Số người bị ảnh hưởng	người		333,512	80,500	108,000						522,012
	+ Số người phải sơ tán	người		35,711	70,000							105,711
<b>NHÀ CỬA</b>	Tổng số nhà đổ, sập, trôi	Cái	2	18	1,450	8	48	18				1,544
	Tổng số nhà ngập, hư hại, tốc mái	Cái	2,100	83,396	200,000	28,269	60,913	5,857				380,535
<b>TRƯỜNG HỌC</b>	Trường học đổ, trôi	Phòng					1					1
	Trường học hư hại	Phòng			250		169					419
<b>BỆNH VIỆN</b>	BV, BX đổ, trôi	Cái					1					1
	BV, trạm y tế hư hại	Cái					174					174
<b>KHÁC</b>	Kho bị hư hại	Cái			45							45
	Trụ sở cơ quan, công trình công cộng... ngập, hư hại	Cái			70		60					130
<b>NÔNG NGHIỆP</b>	Tổng diện tích lúa bị úng, ngập	Ha			2,000		470	101				2,571
	Tổng diện tích hoa màu bị ngập	Ha		1,176	5,000	610	1,507	25				8,318
	Lương thực ướt, mất	Tấn		666	25,000	9,500	3,6	37				35,207
	Giống ướt, mất	Tấn		179	3,000	250						3,429
	DT cây công nghiệp hư hại	Ha					921.0					921
	Diện tích mía bị hư hại	Ha				150						150
	DT Rừng trồng bị hư hại	Ha				50						50
	DT cây ăn quả hư hại	ha				990						990
	Trâu bò chết	Con					70					70
	Lợn chết	con			200,000	18,400	56	30				218,486
	Gia cầm chết	Con			2,000,000	360,000						2,360,000
<b>THỦY LỢI</b>	Khối lượng đất sạt, trôi, bồi lấp	m3			245,000	276,000	95,051	950				617,001
	+ Kênh mương, hồ đập	m3				26,000						26,000
	Đá sạt, trôi	m3				240	3,099					3,339
	Đê bị sạt	m					91	1,763				1,854
	Kè sạt	m			5,000							5,000
	Kênh mương sạt lở, hư hại	m					10,860	2,060				12,920
	Số C.T thủy lợi nhỏ bị hư hại	Cái			550		15	15				580
	Số phai tam bị trôi	Cái					8					8
	Số trạm, máy bơm ngập	Cái				10						10
<b>GIAO THÔNG</b>	Khối lượng đất sạt, trôi, bồi lấp	m3		5,000	300,000	1,500,000	150,292	3,398				1,958,690
	Khối lượng đá sạt, trôi	m3					3,132					3,132
	Số cầu cống hư hại	Cái	1		250	257	32					540
	Chiều dài đường bị hư hại	Km						3				3
	DT mặt đường hỏng	m2				365,000						365,000
<b>THỦY SẢN</b>	Diện tích ao, hồ nuôi tôm cá vỡ	ha				540	42.8					583
	Cá, tôm bị mất	Tấn			950		7					957
	Tàu thuyền chìm mất	Chiếc			48	1	3					52
	Tàu thuyền hư hại	Chiếc				57						57
<b>NĂNG LƯỢNG</b>	Cột điện cao thế đổ, gãy	Cột					9					9
	Cột điện hạ thế đổ, gãy	Cột					67					67
	Dây điện đứt	m			30,000		3,050					33,050
	Trạm biến áp, biến thế hỏng	Cái			52							52
	<b>Ước tổng thiệt hại</b>	<b>Triệu đ</b>			<b>1,500,000</b>	<b>1,524,000</b>	<b>65,140</b>					<b>3,089,140</b>